TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 09/2025/KDTM-ST
Ngày: 22/4/2025
Về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Nguyễn Gia Phước.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

Ông Nguyễn Kiên Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Linh Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hường – Kiểm Sát Viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2024/TLST-KDTM ngày 06/11/2024 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2025/QĐXXST-KDTM ngày 26/3/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S;

Trụ sở: Đường N2, I, phường S, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đinh Công H là đại diện ủy quyền của nguyên đơn (theo Giấy ủy quyền số 09/UQ-2024 ngày 01/8/2024). (có mặt)

Bị đơn: Công ty TNHH C

Trụ sở: 248/9 P, Phường V, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Bà Nguyễn Thị C

Địa chỉ: Khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Tại đơn khởi kiện ngày 17/10/2024 và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn Công ty Cổ phần S có ông Đinh Công Hoàng là đại diện theo uỷ quyền

trình bày như sau:

Ngày 26/06/2020, Công ty Cổ phần S và Công ty TNHH C ký hợp đồng mua bán số 06/2020/HĐMB/SL-PN.

Công ty Cổ phần S đã giao than đá cho Công ty TNHH C với tổng giá trị theo Hoá đơn Giá trị gia tăng số 0000011 ngày 21/07/2020 là 10.214.698.846 đồng.

Số tiền Công ty TNHH C đã thanh toán cho Công ty Cổ phần S là 8.958.580.699 đồng.

Số tổng nợ tiền hàng và thuế giá trị gia tăng còn lại của Công ty TNHH C là 1.256.118.147 đồng.

Ngày 31/01/2022, Công ty Cổ phần S và Công ty TNHH C ký biên Biên bản đối chiếu công nợ, qua đó xác nhận việc đến thời điểm 15/10/2022, Công ty TNHH C còn nợ chưa thanh toán cho Công ty Cổ phần S số tiền nợ gốc là 1.256.118.147 đồng. Về sau Công ty Cổ phần S đã gửi rất nhiều biên bản đối chiếu công nợ hàng tháng cũng như cuối năm tài chính nhưng không nhận được sự phản hồi hay hợp tác từ Công ty TNHH C.

Số tiền lãi chậm trả của Công ty TNHH C là 1.172.359.890 đồng và phạt 8% trên tổng giá trị hợp đồng là 817.175.980 đồng.

Công ty Cổ phần S khởi kiện yêu cầu Toà án buộc Công ty TNHH C phải thanh toán số tiền là 3.245.653.945 đồng, bao gồm:

- Số nợ tiền mua hàng chưa thanh toán là 1.256.118.147 đồng.
- Lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 17/10/2024 là 1.172.359.890 đồng.
- Phạt vi phạm hợp đồng 817.175.908 đồng.

Ngoài ra Công ty Cổ phần S yêu cầu Toà án buộc Công ty TNHH C phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán tiếp theo tính đến ngày Toà án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 25/02/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau: Sau khi Công ty Cổ phần S nộp đơn khởi kiện thì Công ty TNHH C đã tiến hành thanh toán dứt điểm nợ gốc cho Công ty Cổ phần S, vì vậy nguyên đơn rút yêu cầu Công ty TNHH C thanh toán nợ gốc số tiền 1.256.118.147 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn Công ty TNHH C phải thanh toán tiền nợ lãi chậm trả và phạt vi phạm hợp đồng với tổng số tiền là 1.847.712.540 đồng.

2/ Tại bản tự khai, các biên bản làm việc và quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn Công ty TNHH C có bà Nguyễn Thị Cúc là đại diện theo pháp luật trình bày như sau:

Bị đơn TNHH C xác nhận nội dung vụ án đúng trình bày của nguyên đơn

Công ty Cổ phần S.

Vào ngày 17/12/2024 và ngày 26/12/2024, Công ty TNHH C đã trả số tiền dư nợ gốc là 1.256.118.147 đồng. Số tiền Công ty TNHH C còn phải trả cho Song Long là 2.013.152.540 đồng (trong đó: nợ lãi đến ngày 17/12/2024 là 1.195.976.632 đồng, nợ phạt vi phạm hợp đồng là 817.175.908 đồng) thì Công ty TNHH C đang làm ăn khó khăn nên không có khả năng chi trả. Công ty TNHH C đề nghị công ty cổ phần S giảm ½ tiền lãi và thời gian trả lãi trong vòng 1 năm . Cụ thể, Công ty TNHH C sẽ trả 1.006.576.270 đồng, thời hạn thanh toán hạn chót vào ngày 18/2/2026.

3/Tại phiên toà sơ thẩm:

- Nguyên đơn Công ty Cổ phần S có ông Đinh Công Hoàng là đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Công ty cổ phần S xác nhận: Vào ngày 17/12/2024 và ngày 26/12/2024, Công ty TNHH C đã trả số tiền dư nợ gốc là 1.256.118.147 đồng. Vì vậy, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bị đơn phải trả số nợ gốc 1.256.118.147 đồng.

Số tiền Công ty TNHH C còn phải trả cho Song Long là 1.847.712.540 đồng .Trong đó:

+ Nợ lãi chậm trả: Tại điều 3 của Hợp đồng hai bên đã thoả thuận thời hạn thanh toán như sau: Bị đơn Công ty TNHH C phải thanh toán cho nguyên đơn công ty cổ phần S 20% giá trị lô hàng trước khi giao nhận hàng. Sau 1 tháng thì bắt đầu thanh toán theo tuần, mỗi tuần 20%. Thực hiện hợp đồng, bị đơn đã ứng đủ 20% giá trị lô hàng từ 30/6 đến 20/7/2020 với số tiềng 2.068.000.000 đồng. Sau 1 tháng bắt đầu thanh toán theo tuần, mỗi tuần 20% thì thời hạn thanh toán tiếp theo là ngày 27/8/2020 với số tiền 2.042.939.769 đồng, cho đến ngày 24/9/2020 sẽ phải thanh toán toàn bộ giá trị lô hàng còn lại của Hợp đồng. Tuy nhiên, bị đơn đã không thực hiện việc thanh toán đúng theo thoả thuận, vi phạm thời gian trả nợ gốc tương ứng (theo bảng chi tiết lãi đính kèm). Vì vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán chậm trả với lãi suất 11,25%/năm cho khoảng thời gian từ 27/8/2020 đến 17/12/2024 với số tiền là 1.195.976.632 đồng.

Nợ phạt vi phạm hợp đồng: Tại điều 3.1 và Điều 5 của Hợp đồng hai bên ký kết, hai bên có thoả thuận về phạt vi phạm hợp đồng. Ngày 24/9/2020 bị đơn có nghĩa vụ trả toàn bộ giá trị còn lại của lô hàng số tiền 8.146.698.846 đồng nhưng bị đơn không thực hiện, vì vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán 8% giá trị

phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm với số tiền 651.735.908 đồng.

Nguyên đơn đề nghị bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền lãi chậm trả và tiền phạt vi phạm hợp đồng nói trên làm một lần ngay khi bản án, quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn Công ty TNHH C có bà Nguyễn Thị Cúc là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Bà xác nhận nội dung vụ án đúng như lời trình bày của đại diện nguyên đơn tại phiên toà và quá trình giải quyết vụ án. Vào ngày 17/12/2024 và ngày 26/12/2024, Công ty TNHH C đã trả số tiền dư nợ gốc là 1.256.118.147 đồng. Hai bên có thoả thuận về việc nếu bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì phải trả lãi chậm trả và tiền phạt vi phạm hợp đồng, bị đơn tự nguyện chấp hành. Tuy nhiên vì công ty đang giai đoạn làm ăn khó khăn, không thể trả hết số tiền lãi và phạt làm một lần nên bị đơn đề nghị nguyên đơn cho thời hạn 6 tháng để trả toàn bộ số tiền lãi và phạt nói trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ, đảm bảo thủ tục tố tụng; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng khác đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 25/02/2025 và tại phiên toà nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bị đơn phải trả số nợ gốc 1.256.118.147 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu bị đơn Công ty TNHH C phải thanh toán tiền lãi chậm trả và tiền phạt vi phạm hợp đồng với số tiền là 1.847.712.540 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Công ty cổ phần S khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty TNHH C thanh toán số tiền còn thiếu xuất phát từ hợp đồng mua bán mà hai bên đã ký kết, nên đây là vụ án quan hệ tranh chấp về hợp đồng phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa hai công ty với nhau và đều vì mục đích lợi nhuận nên vụ

án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Theo phiếu cung cấp thông tin doanh nghiệp số 11343/ĐKKD – T6 ngày 04/12/2024 của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp: Công ty TNHH C có địa chỉ trụ sở tại 248/9 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 3 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về tính hợp pháp của hợp đồng mua bán số 06/2020/HĐMB/SL-PN ngày 26/06/2020:

Công ty cổ phần S giao kết hợp đồng với Công ty TNHH C, Hợp đồng được giao kết bằng văn bản, thời điểm giao kết hai bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc giao kết dựa trên sự tự nguyện của các bên. Mục đích và nội dung của giao dịch không trái với các quy định của pháp luật nên có hiệu lực và buộc các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo hợp đồng.

[2.2] Đối vối yêu cầu của nguyên đơn:

[3] Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc: Tại đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 25/02/2025, nguyên đơn có xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

[3.1] Nguyên đơn rút yêu cầu Công ty TNHH C phải thanh toán số tiền nợ gốc 1.256.118.147 đồng.

Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu thanh toán lãi chậm trả:

Căn cứ tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng mua bán số 06/2020/HĐMB/SL-PN ngày 26/06/2020 nguyên đơn và bị đơn thoả thuận: "Trường hợp sau khi có kết quả kiểm định chất lượng mà bên B chưa thanh toán cho bên A thì phải chịu tiền lãi nợ quá hạn phát sinh trên số tiền gốc quá hạn tương ứng với thời gian quá hạn".

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, hai bên đều xác nhận nguyên đơn Công ty cổ phần S đã thực hiện nghĩa vụ đúng như hợp đồng hai bên đã thoả thuận, tuy nhiên Công ty TNHH C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng mua bán số 06/2020/HĐMB/SL-PN ngày 26/06/2020, bị đơn chậm thanh toán tiền mua hàng từ ngày 27/8/2020. Việc chậm thanh toán này làm phát sinh quyền yêu cầu tính lãi chậm trả của nguyên đơn theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại 2005.

Căn cứ tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng mua bán số 06/2020/HĐMB/SL-PN ngày 26/06/2020 nguyên đơn và bị đơn thoả thuận: "Lãi suất đối với số nợ quá hạn được hai bên thống nhất áp dụng bằng 150% lãi suất của ngân hàng (bên A)

vào thời điểm ký kết Hợp đồng". Việc thoả thuận không cụ thể ngân hàng nào và mức lãi suất, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Tại Điều 306 Luật Thương mại 2005 quy định: *"Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".*

Căn cứ quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao và các công văn số 284/NHNo.CN3.KHQLRR ngày 14/02/2025 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh 3, công văn số 193/BIDV.BMTT ngày 27/02/2025 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ba Mươi Tháng Tư, công văn số 331/TB-TĐN-KHBL ngày 17/02/2025 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Định, Hội đồng xét xử xác định mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường vào thời điểm xét xử sơ thẩm là 12,8%/năm.

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 27/8/2020 đến ngày 17/12/2024 với mức lãi suất 11,25%/ năm trên toàn bộ số dư nợ gốc. Số tiền lãi cụ thể tính đến 17/12/2024 là 1.195.976.632 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, lãi suất nguyên đơn yêu cầu áp dụng thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường vào thời điểm xét xử sơ thẩm, thời gian tính lãi tương ứng với thời gian chậm trả của bị đơn. Yêu cầu này có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật thương mại 2005 và quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Đối với yêu cầu thanh toán phạt vi phạm Hợp đồng:

Tại quá trình làm việc tại Toà án, Công ty cổ phần S và Công ty TNHH C xác nhận tại điểm 3.1 hai bên thoả thuận *"Ngoài việc thanh toán lãi chậm trả bên B còn phải chịu phạt vi phạm theo quy định của pháp luật* " và Điều 5 của hợp đồng hai bên thoả thuận *"Nếu vi phạm sẽ bị phạt 8% tổng giá trị Hợp đồng* " về việc phạt vi phạm hợp đồng đối với việc chậm thanh toán.

Tại văn bản giải trình số 02/2025/SL-CV ngày 21/02/2025, Công ty cổ phần S xác định lại bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 24/9/2020 trên số tiền vi phạm là 8.146.698.846 đồng, nguyên đơn đề nghị mức phạt là 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm với số tiền là 651.735.908 đồng.

Xét thoả thuận nêu trên của hai bên thuộc trường hợp phạt vi phạm hợp đồng được quy định tại Điều 301 Luật Thương mại 2005 *:"Mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên*

thỏa thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm, trừ trường hợp quy định tại Điều 266 của Luật này".

Hội đồng xét xử xét thấy Công ty cổ phần S đề nghị mức phạt là 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm với số tiền là 651.735.908 đồng là phù hợp với thoả thuận trong Hợp đồng và Điều 301 Luật thương mại 2005 nên có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH C phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, khoản 1 Điều 244, , khoản 1 Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 117; Điều 278; Điều 401; Điều 434, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 11; Điều 301, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019);

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S về việc yêu cầu Công ty TNHH C trả số nợ gốc là 1.256.118.147 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S.

Công ty TNHH C có trách nhiệm trả cho Công ty cổ phần S số tiền là 1.847.712.540 đồng (Một tỷ tám trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm mười hai nghìn năm trăm bốn mươi đồng), trong đó: tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày ngày 27/8/2020 đến ngày 17/12/2024 là 1.195.976.632 đồng (một tỷ một trăm chín mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng) và tiền phạt vi phạm nội dung hợp đồng là 651.735.908 đồng (sáu trăm năm mươi mốt triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm lẻ tám đồng). Việc thanh toán được thực hiện một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả .

2. Về án phí: Công ty TNHH C phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 67.431.376 đồng (Sáu bảy triệu bốn trăm ba mươi mốt nghìn ba trăm bảy mươi sáu đồng).

Trả lại số tiền tạm ứng án phí 48.456.538 đồng (Bốn mươi tám triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi tám đồng) cho Công ty cổ phần S theo biên lai số 0059102 ngày 06/11/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3;
- Chi cục Thi hành án Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Trần Nguyễn Gia Phước

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kiên Hiển Đặng Thị Ngọc Hằng Trần Nguyễn Gia Phước

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3;
- Chi cục Thi hành án Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Trần Nguyễn Gia Phước

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kiên Hiển Đặng Thị Ngọc Hằng Trần Nguyễn Gia Phước

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

V

ào hồi 15 giờ 30 phút ngày 03 tháng 7 năm 2024.

Tại phòng nghị án trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3,Tp. Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Nguyễn Gia Phước

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

2/ Ông Nguyễn Kiên Hiển

Tiến hành nghị án đối với vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 150/TLST-KDTM ngày 27 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" giữa :

Nguyên đơn: Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ T&T

Trụ sở: 2/3/3 đường 38, phường Linh Đông, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Thông là đại diện theo theo uỷ quyền của nguyên đơn (giấy uỷ quyền số 0106/UQ-T&T ngày 01/6/2023). (có mặt)

Bị đơn: Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân Đội

Trụ sở: Số 3 Liễu Giai, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Chi nhánh: Lầu 5 Toà nhà MBAMC, 538 Cách Mạng Tháng 8, Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn Tiến là đại diện theo uỷ quyền của bị đơn (Văn bản uỷ quyền số 12935/UQ-MBAMC ngày 20/12/2023). (có mặt)

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, khoản 1 Điều 244, , khoản 1 Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 117; Điều 278; Điều 401; Điều 513; Điều 519, Điều 520 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 11; Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019);

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ T&T.

Công ty TNHH Quản Lý Nợ và Khai Thác Tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ T&T số tiền là 492.053.205 đồng (Bốn trăm chín mươi hai triệu không trăm năm mươi ba nghìn hai trăm lẻ năm đồng), trong đó nợ gốc từ Hợp đồng số 2218/DVBV/2019 ngày 15/11/2019 là 361.900.000 đồng (ba trăm sáu mươi mốt triệu chín trăm nghìn đồng) và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 11/3/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/7/2024) là 130.153.205 đồng (một trăm ba mươi triệu một trăm năm mươi ba nghìn hai trăm lẻ năm đồng). Việc thanh toán được thực hiện một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả

2. Về án phí: Công ty TNHH Quản Lý Nợ và Khai Thác Tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 23.682.128 đồng (hai mươi ba triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn một trăm hai mươi tám đồng).

Hoàn trả số tiền 12.072.883 đồng cho Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ T&T đã tạm nộp theo biên lai số AA/2022/0000652 ngày 14/6/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ T&T và Công ty TNHH Quản Lý Nợ và Khai Thác Tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử biểu quyết thống nhất.

Nghị án kết thúc vào lúc 16 giờ 00 phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đặng Thị Ngọc Hằng **Nguyễn Kiên Hiển** **Trần Nguyễn Gia Phước**